HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /2023/NQ-HĐND	*Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHOÁ XI KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng theo từng nhóm đất, từng tuyến đường, từng khu vực như sau:

1. Đất nông nghiệp

a) Tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm hệ số điều chỉnh bằng 1,4.

b) Tại các thị trấn: Hệ số điều chỉnh thị trấn Phước Dân và thị trấn Khánh Hải bằng 1,3; thị trấn Tân Sơn bằng 1,2.

c) Tại nông thôn: Hệ số điều chỉnh các xã thuộc huyện trên địa bàn tỉnh bằng 1,1.

2. Đất phi nông nghiệp là đất ở

a) Tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm hệ số điều chỉnh bằng 1,6.

b) Các thị trấn: Hệ số điều chỉnh thị trấn Phước Dân, thị trấn Khánh Hải và thị trấn Tân Sơn bằng 1,6.

c) Tại các tuyến đường giao thông chính, các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư (khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư), trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

- Huyện Ninh Hải: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính và các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,6. Riêng đối với xã Nhơn Hải bằng 1,5.

- Huyện Ninh Phước: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính và các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,6.

- Huyện Ninh Sơn: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính bằng 1,5; các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,3.

- Huyện Thuận Nam: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính bằng 1,5; các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,3.

- Huyện Thuận Bắc: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính và các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,3.

- Huyện Bác Ái: Hệ số điều chỉnh tại các tuyến đường giao thông chính và các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bằng 1,2.

d) Tại nông thôn, trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

- Huyện Thuận Nam: Hệ số điều chỉnh xã Phước Nam, xã Phước Minh, xã Phước Ninh, xã Phước Dinh, xã Phước Diêm và xã Cà Ná bằng 1,3; các xã còn lại bằng 1,2.

- Huyện Ninh Sơn: Hệ số điều chỉnh xã Nhơn Sơn bằng 1,4; xã Lương Sơn, xã Quảng Sơn, xã Mỹ Sơn và xã Lâm Sơn bằng 1,3; các xã còn lại bằng 1,2.

- Các xã thuộc huyện còn lại trên địa bàn tỉnh bằng 1,2.

3. Đất phi nông nghiệp là đất sản xuất, kinh doanh và đất thương mại, dịch vụ (trừ khu công nghiệp Thành Hải và Cụm công nghiệp Tháp Chàm) áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 2, Điều này.

4. Đất phi nông nghiệp khác hệ số điều chỉnh bằng 1,0.

5. Đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển được sử dụng vào mục đích nào thì áp dụng bằng hệ số điều chỉnh giá đất tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4, Điều này.

6. Đối với các tuyến đường, vị trí được điều chỉnh, bổ sung trong Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tại Nghị quyết số 33 /2023/NQ-HĐND ngày *14*/12/2023 của HĐND tỉnh Ninh Thuận thì hệ số điều chỉnh bằng 1,0.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu – UBTVQH;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính Phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT. HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Phạm Văn Hậu